

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2022/DS-PT  
Ngày 18-11-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Nhữn.

*Các Thẩm phán:* Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.  
Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 407/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 6, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Tấn B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Trần Tấn B.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Thu N trình bày:*

Từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022, bà T có vay tiền của bà nhiều lần, tổng cộng 858.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay sử dụng cho gia đình, bà T có viết biên nhận nợ cho bà. Các lần vay cụ thể:

Lần 1: 185.000.000 đồng; Lần 2: 360.000.000 đồng; Lần 3: 52.000.000 đồng; Lần 4: 19.000.000 đồng; Lần 5: 20.000.000 đồng; Lần 6: 5.000.000 đồng; Lần 7: 18.000.000 đồng; Lần 8: 8.000.000 đồng; Lần 9: 21.000.000 đồng; Lần 10: 105.000.000 đồng; Lần 11: 20.000.000 đồng; Lần 12: 45.000.000 đồng.

Từ khi vay đến nay bà T không trả tiền gốc và lãi cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T và ông B (chồng bà T) có nghĩa vụ trả cho bà 808.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi, còn số tiền 50.000.000 đồng (ở lần vay thứ 6 và 12) bà không yêu cầu. Sau này phát sinh tranh chấp bà khởi kiện bằng vụ án khác.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tấn B trình bày:*

Ông B không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Vì bà T có vay tiền của bà N không thì ông không biết. Hiện bà T đi làm ăn, không có mặt ở nhà nhưng bà T vẫn có mặt tại địa phương.

Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Trần Tấn B.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Tấn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Thu N số tiền 808.000.000 đồng (Tám trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Tấn B có nghĩa vụ liên đới chịu 36.240.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Phạm Thị Thu N không phải chịu án phí. Trả lại cho bà N 18.120.000 đồng (Mười tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005220 ngày 31-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 27/9/2022, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Tấn B và đều kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị tòa phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà T cho rằng chỉ đồng ý trả tiếp cho bà N số tiền 370.000.000 đồng vì trong quá trình vay nợ bà cũng đã trả lãi cho bà N rất nhiều, trả bao nhiêu không nhớ, còn giấy nợ ghi 858.000.000 đồng là do bà N ép buộc nhưng bà N không thừa nhận.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan điểm xử lý vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cũng thừa nhận giấy biên nhận nợ giữa bà T với bà N là do bà T ký nhưng bà T cho rằng không đúng số nợ như bà N khởi kiện mà chỉ nợ 370.000.000 đồng. Bà T trình bày nhưng không có căn cứ chứng minh nên kháng cáo không có căn cứ chấp nhận. Ông B có mối quan hệ vợ chồng hợp pháp với bà T, tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông B không cung cấp tài liệu chứng minh bà T sử dụng số tiền vào mục đích riêng nên ông B phải có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông B, giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trần Tấn B và bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo đều hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của ông Trần Tấn B và bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm về một phần bản án sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng

Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng:

[3.1] Bà Phạm Thị Thu N khởi kiện yêu cầu bà T và ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền 808.000.000 đồng tiền gốc. Lời trình bày của bà N phù hợp giấy vay tiền bà N cung cấp số tiền bà T vay tổng cộng 858.000.000 đồng. Bà T và ông B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành lấy lời khai, tuy nhiên bà T không có mặt ở nhà vào thời điểm Tòa án tiến hành lấy lời khai. Ông B không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, ông B kháng cáo cho rằng toàn bộ số tiền mà bà T vay của bà N được bà T sử dụng vào mục đích riêng của bà T, nên ông không có nghĩa vụ đối với hợp đồng vay tài sản giữa bà T với bà N. Tuy nhiên, ông B có mối quan hệ vợ chồng hợp pháp với bà T (tại thời điểm giao dịch dân sự được thực hiện), ông B không cung cấp tài liệu chứng minh bà T sử dụng số tiền vào mục đích riêng nên ông B phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, xét bà T nợ bà N 858.000.000 đồng, nhưng bà N chỉ khởi kiện 808.000.000 đồng, đây là quyền tự định đoạt của bà N nên ghi nhận. Bà T và ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Tại phiên tòa, bà T cho rằng chỉ đồng ý trả tiếp cho bà N số tiền 370.000.000 đồng vì trong quá trình vay nợ bà cũng đã trả lãi cho bà N rất nhiều, trả bao nhiêu thì bà không nhớ, còn giấy nợ ghi 858.000.000 đồng là do bà N ép buộc nhưng bà N không thừa nhận, bà T cũng không chứng minh được việc ghi giấy nợ là do bà N ép buộc nên không chấp nhận lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà T.

[3.3] Từ các nhận định trên, cấp sơ thẩm buộc bà T và ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền 808.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.4] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà T và ông B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

[3.5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Tấn B và bà Nguyễn Thị Thanh T đều phải chịu.

[3.6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Tấn B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Trần Tấn B.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Tấn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Thu N số tiền 808.000.000 đồng (Tám trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Tấn B có nghĩa vụ liên đới chịu 36.240.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Phạm Thị Thu N không phải chịu án phí. Trả lại cho bà N 18.120.000 đồng (Mười tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005220 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng, do bà T đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005318 ngày 27/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, nên số tiền trên được chuyển sang án phí. Ông Trần Tấn B phải chịu 300.000 đồng, do ông B đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005317 ngày 27/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, nên số tiền trên được chuyển sang án phí.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Nhữn**



